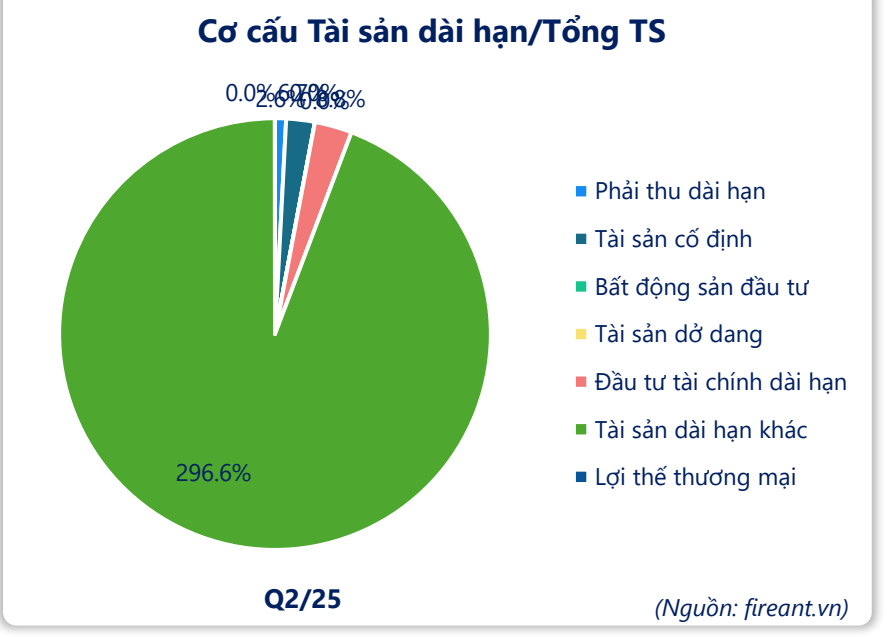
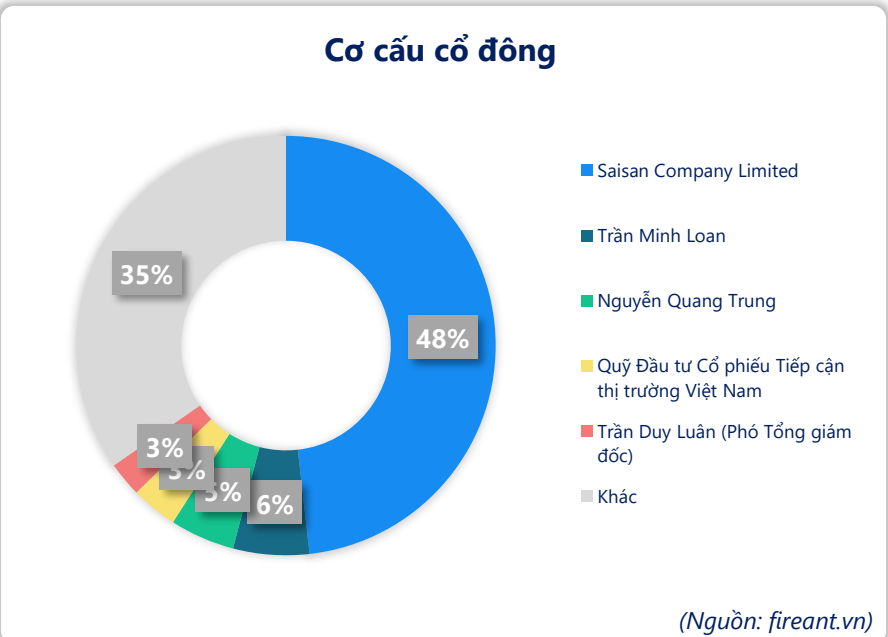
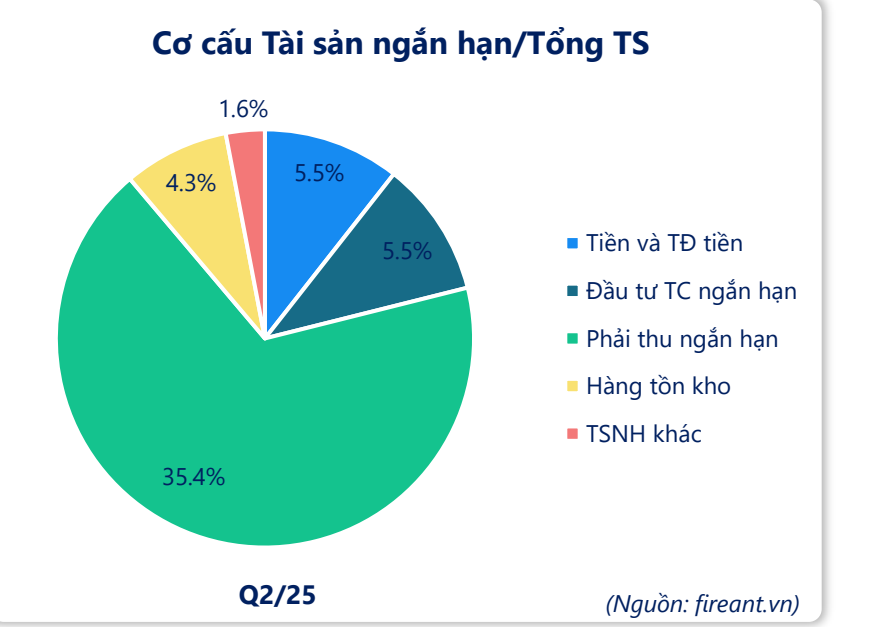
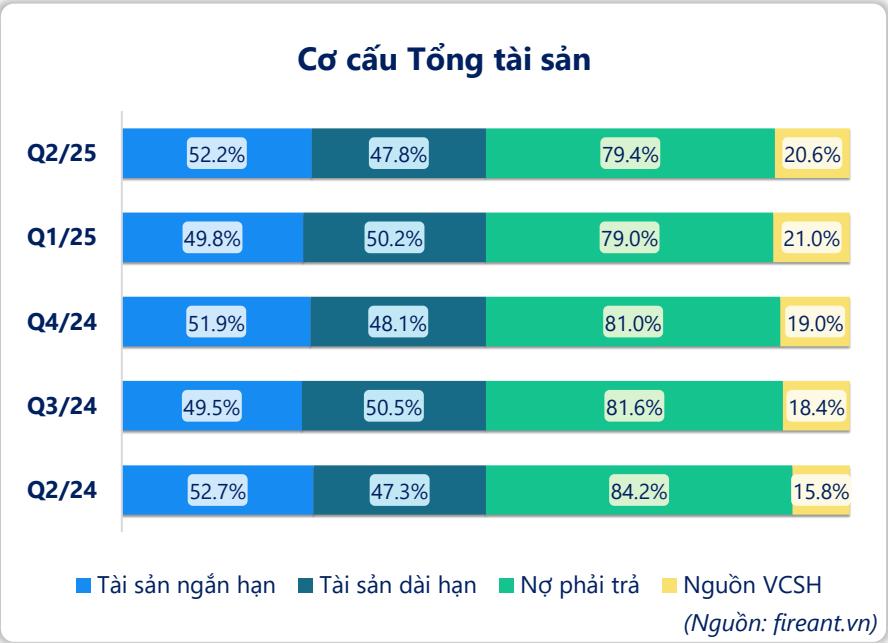
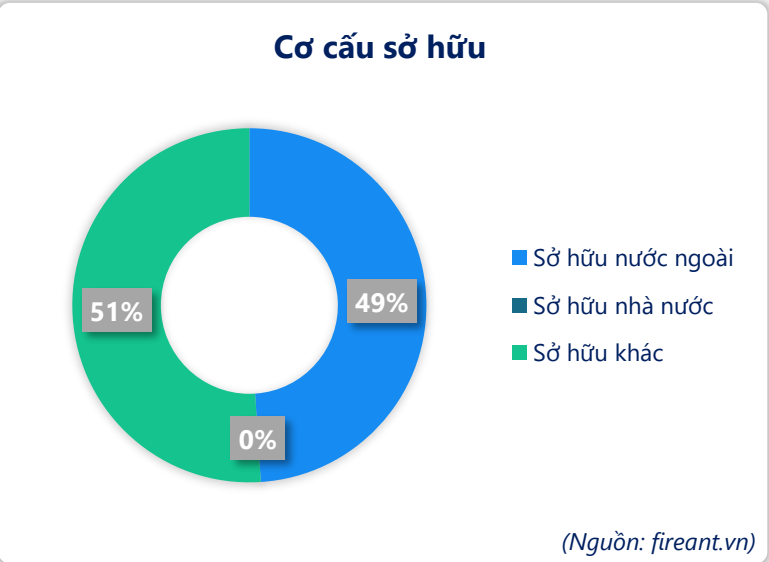
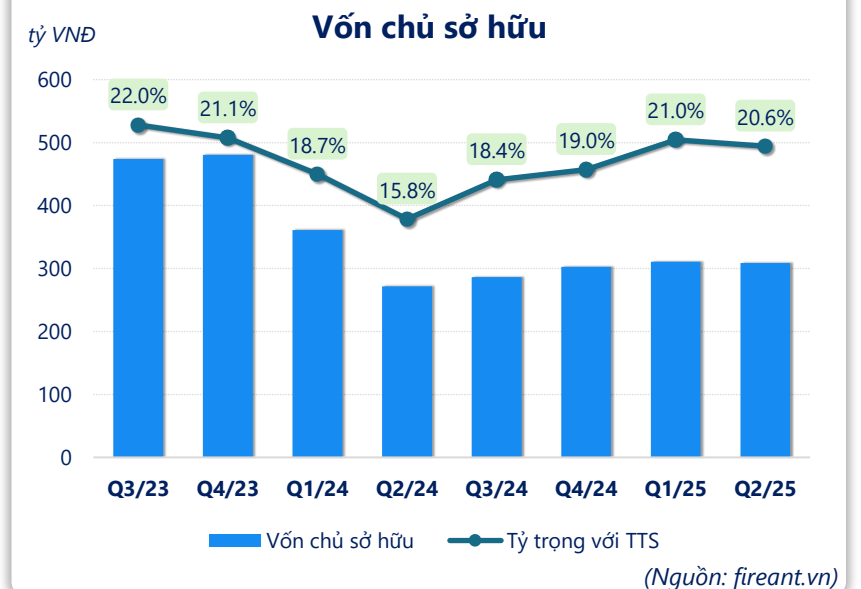
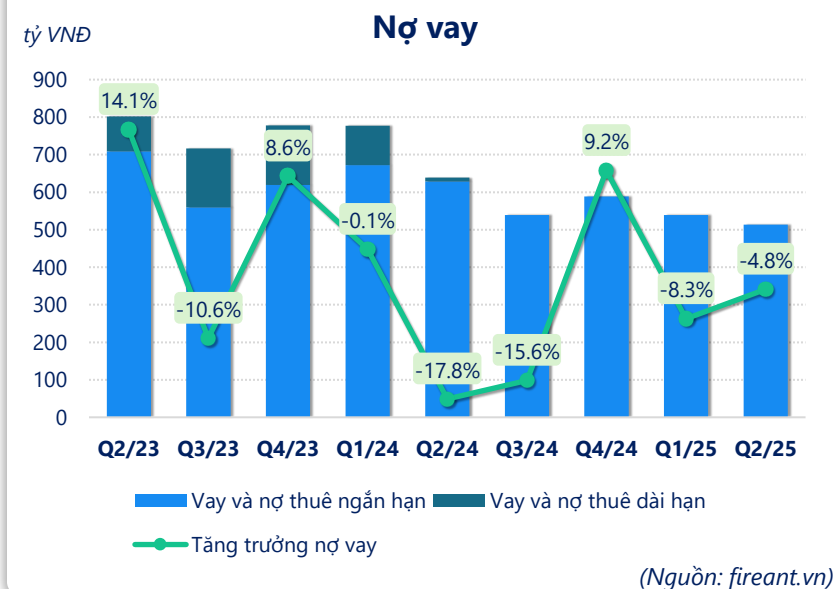
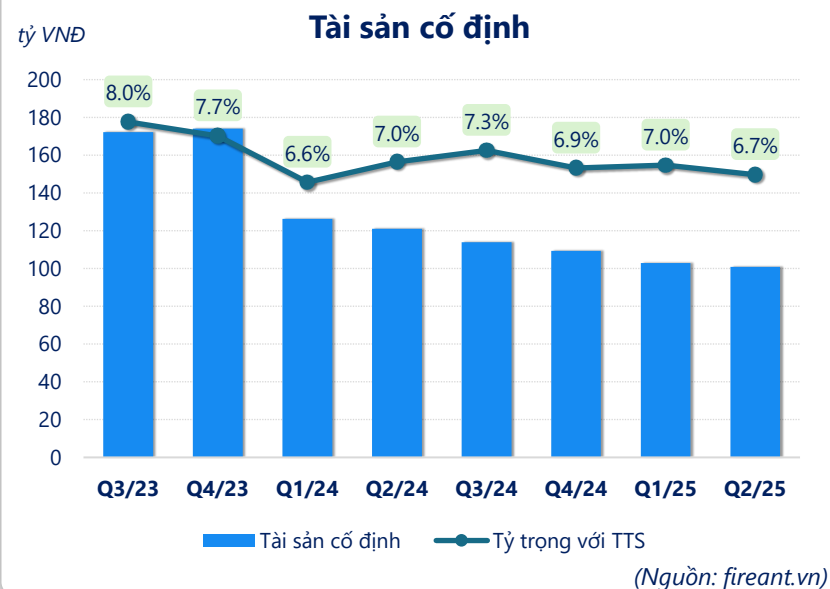
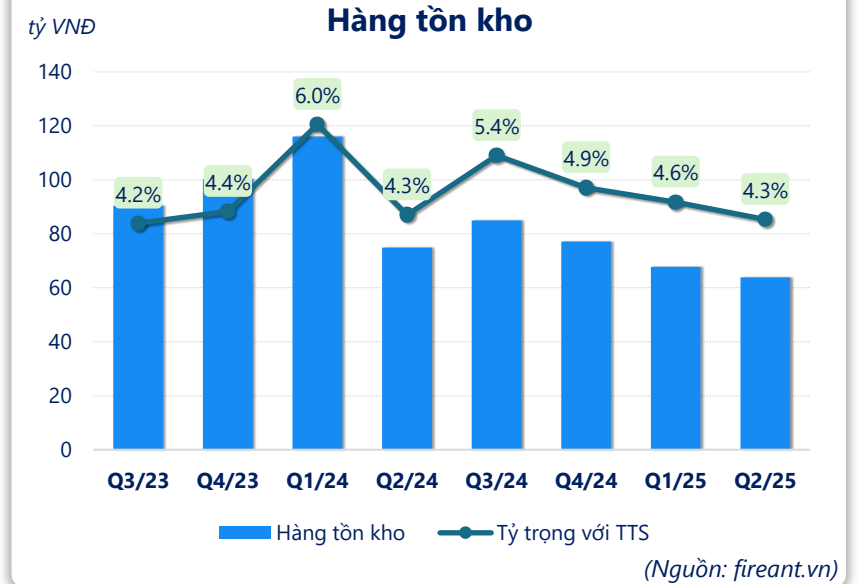
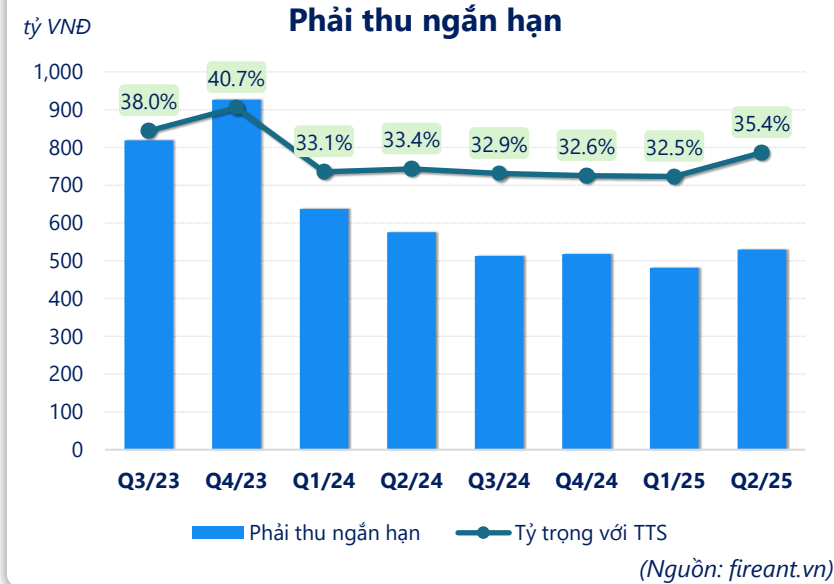
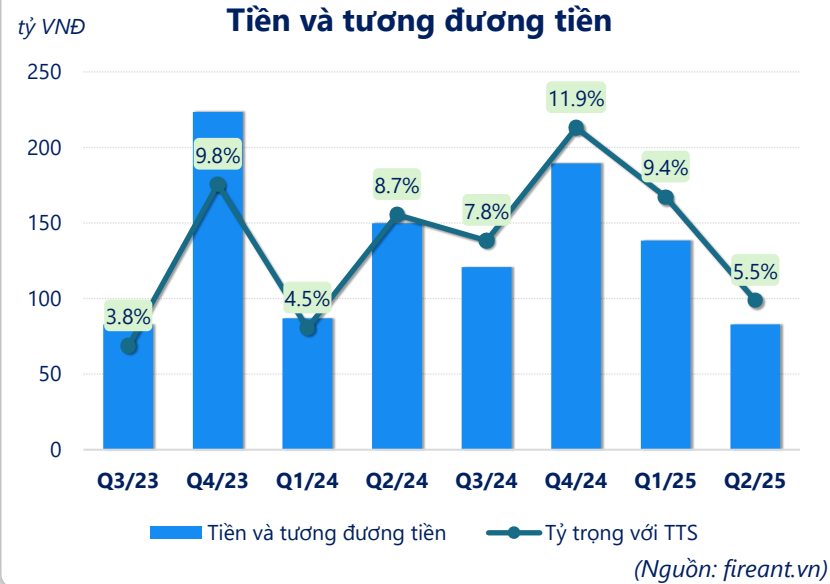
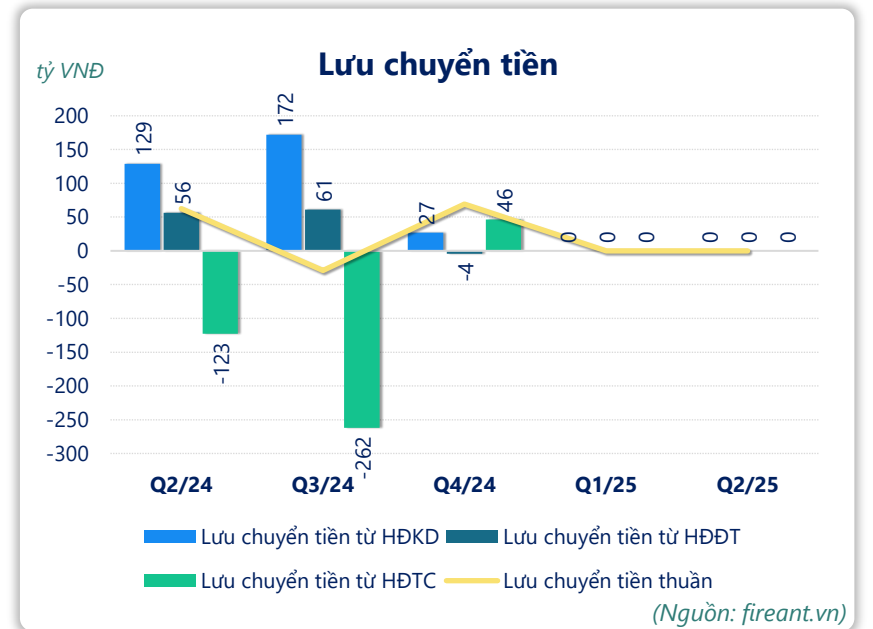
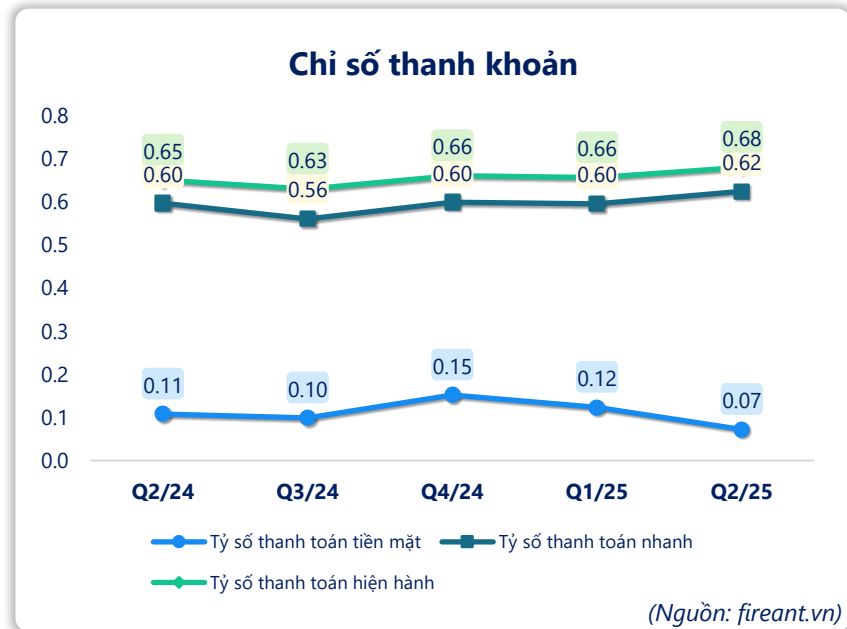
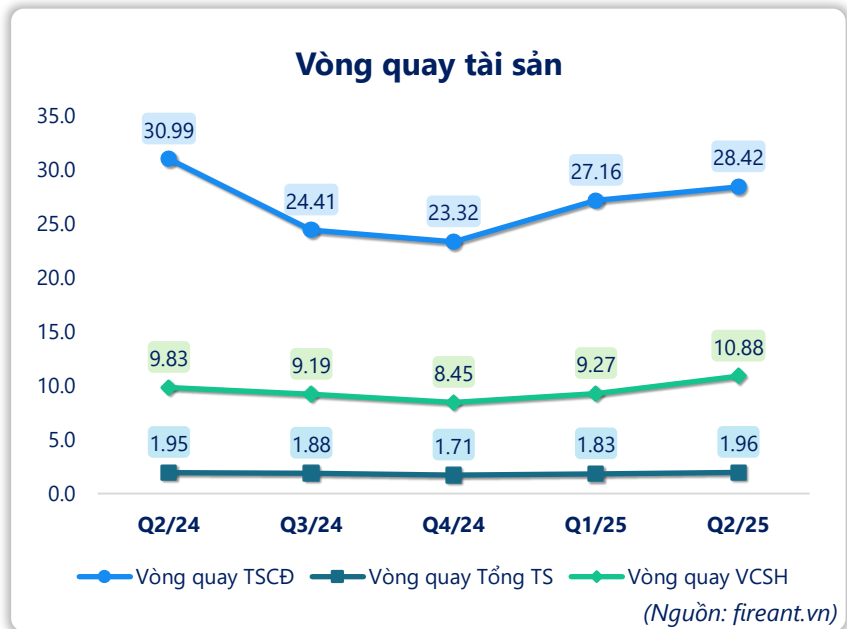
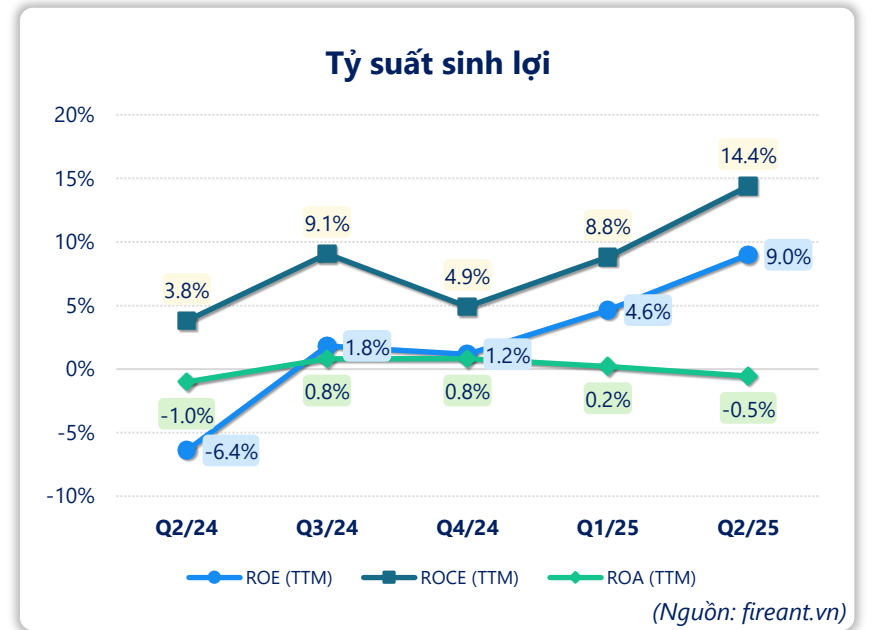
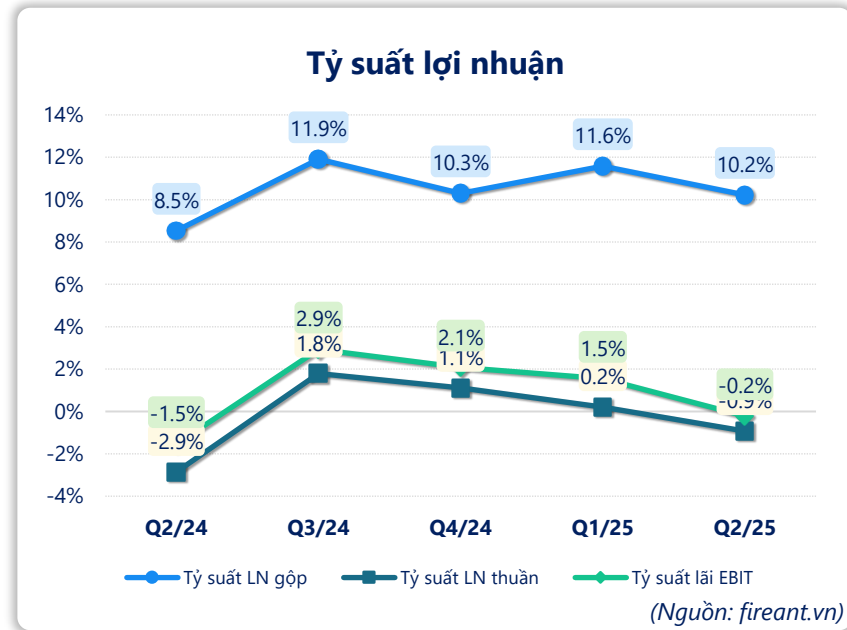
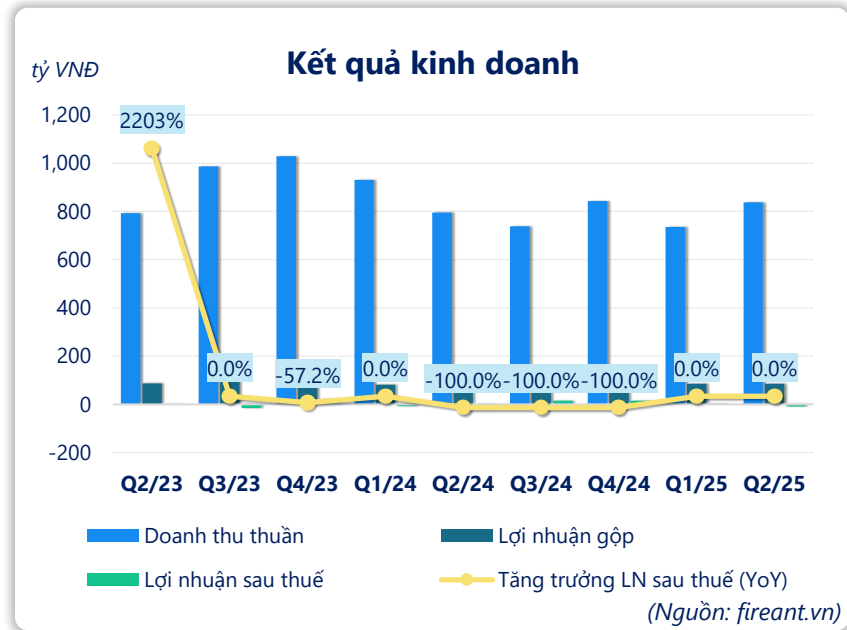


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,370
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,580
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,810
SL cổ phiếu LH		
KLGD BQ 20 phiên (CP)		157,940
% sở hữu nước ngoài		49.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		
P/E		
EPS		

	YTD	1T	3T	6T
ASP	34.3%	6.3%	7.4%	34.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,498	1,560	-4.0%
Tài sản ngắn hạn	782	809	-3.3%
Tiền và tương đương tiền	82.8	189	-56.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	82.2	20.2	307%
Phải thu ngắn hạn	530	512	3.4%
Hàng tồn kho	63.9	68.5	-6.8%
Tài sản ngắn hạn khác	23.6	19.0	23.9%
Tài sản dài hạn	716	751	-4.7%
Phải thu dài hạn	39.1	39.3	-0.5%
Tài sản cố định	101	109	-7.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	132	129	2.2%
Tài sản dài hạn khác	4,443	472	840%
Lợi thế thương mại	0.43	0.72	-40.1%
Nợ phải trả	1,189	1,253	-5.1%
Nợ ngắn hạn	1,150	1,199	-4.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	513	581	-11.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	614	594	3.3%
Nợ dài hạn	39.4	54.6	-28.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	7.41	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	309	307	0.5%
Vốn chủ sở hữu	309	307	0.5%
Vốn điều lệ	373	373	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	795	738	843	735	838
Giá vốn hàng bán	727	650	756	650	752
Lợi nhuận gộp	67.8	87.9	86.8	85.2	85.7
Doanh thu HĐTC	1.70	8.60	2.37	2.03	1.47
Chi phí TC	16.7	8.08	9.17	7.10	18.3
Chi phí lãi vay	7.29	6.41	6.08	6.73	5.50
LN trong công ty LKLD	-0.33	1.26	2.88	-0.45	-0.15
Chi phí bán hàng	55.2	57.1	58.0	54.8	53.0
Chi phí QLDN	20.0	19.4	15.5	23.3	23.4
LN thuần từ HĐKD	-22.7	13.2	9.43	1.51	-7.74
Lợi nhuận khác	3.16	2.00	2.03	3.13	0.40
LN trước thuế	-19.5	15.2	11.5	4.65	-7.34
Lợi nhuận sau thuế	-19.5	15.1	15.3	3.53	-8.66
LNST của CĐ cty mẹ	-19.2	15.2	15.9	3.70	-8.73

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	129	172	27.2	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	56.4	61.0	-4.35	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-123	-262	46.4	0	0
Tiền đầu kỳ	86.8	150	121	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	62.7	-29.1	69.2	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.42	0	-0.61	0	0
Tiền cuối kỳ	150	121	189	0	0

(Nguồn: fireant.vn)